

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Ông Hoàng Sĩ Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2023/HNGĐ-TLST ngày 19/5/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2023/QĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Chu Thùy D**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đài Loan.

(Anh T, chị D có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị D tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, (nay là phường T, thành phố L), tỉnh Hải Dương ngày

29/9/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân năm 2011 anh đi Nhật Bản lao động, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 chị D đi Đài Loan lao động. Năm 2017 anh và chị D đều về Việt Nam để giải quyết mâu thuẫn, nhưng hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về quan hệ con chung : Anh và chị D có 01 con chung là Nguyễn Thế Ng, sinh ngày 07/01/2010. Hiện nay con đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị D không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Chu Thùy D hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị D nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị D tại gia đình. Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ chị D cung cấp, Chị D đi Đài Loan lao động vào khoảng năm 2013, từ khi đi chị D về Việt Nam 02 lần. Bà không biết địa chỉ của chị D nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị D thường xuyên gọi điện về gia đình. Bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị D biết. Thông qua gia đình cũng như tại buổi làm việc với Tòa án, chị D đã trực tiếp gọi điện thoại về và thể hiện quan điểm: Chị và anh T sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, nay anh T có đơn xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 01 con chung, hiện đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị đồng ý để anh T nuôi con và đồng ý quan điểm anh T không yêu cầu chị phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn không đề nghị giải quyết. Do điều kiện chị không về được Việt Nam, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Cháu Nguyễn Thế Ng là con chung của anh T, chị D có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T được ly hôn chị D. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thế Ng, sinh ngày 07/01/2010 cho anh T nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải D, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư N, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Bị đơn chị Chu Thùy D, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Khu dân cư Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện chị D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị D ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị D cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị D được biết, chị D thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L. Bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị D biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh T, chị D đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, (nay là phường T, thành phố L), tỉnh Hải Dương ngày 29/9/2008, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai đều đi nước ngoài lao động, vợ chồng ít có thời gian chung sống cùng nhau, dẫn đến

bất đồng quan điểm. Năm 2017 anh T, chị D đều về Việt Nam để giải quyết mâu thuẫn nhưng hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị D. Quá trình giải quyết vụ án, chị D cũng có quan điểm xác định tình cảm không còn, anh T có đơn ly hôn chị cũng đồng ý. Do vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thùy D có một con chung là Nguyễn Thế Ng, sinh ngày 07/01/2010, hiện nay con đang ở với anh T. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con. Chị D có quan điểm đồng ý để anh T nuôi con. Xét thấy, thực tế cháu Ng đang ở với bố, được học tập và chăm sóc tốt, chị D đang ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Ng, cần tiếp tục giao cháu Ng cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Chu Thùy D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thế Ng, sinh ngày 07/01/2010 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Chu Thùy D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm

ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0003632 ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải D. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Chu Thùy D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền